

Số: /TTr-UBND

Bắc Kạn, ngày tháng năm 2023

## **TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nội dung hồ sơ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 21/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18/6/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết bổ sung một số điều của quy định nội dung hồ sơ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, gồm nội dung như sau:

### **I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**

#### **1. Cơ sở pháp lý**

- Thông tư số 12/2023/TT-BYT ngày 06/6/2023 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế Hướng dẫn triển khai một số nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 quy định đơn vị được Ủy ban ban nhân dân cấp tỉnh giao làm chủ trì nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý có trách nhiệm: *“Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành biểu mẫu sử dụng trong lựa chọn dự án, nội dung hồ sơ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo khoản 1, Điều 40, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG”*.

- Ngày 24/6/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 38/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Trong đó, bao gồm một số nội dung sửa đổi như sau:

+ Tại khoản 11, Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP sửa đổi Điều 20 có quy định: Chi phí lựa chọn dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất (bao gồm chi phí khảo sát, đánh giá; thành lập hội đồng lựa chọn dự án, mô hình; lựa chọn đơn vị đặt hàng, giao nhiệm vụ; tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ; thẩm định giá trong phương án mua sắm vật tư, hàng hóa, dịch vụ) được tính trong kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất hoặc kinh phí thường xuyên của cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất; không vượt quá 5% tổng kinh phí được giao để thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển xuất.

+ Tại khoản 12, khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP sửa đổi Điều 21, Điều 22 có quy định mức hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước đối với dự án, kế hoạch của địa phương, cụ thể: *Cơ quan phê duyệt dự án quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.*

+ Tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP quy định tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

Hiện nay, Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh chưa quy định các nội dung: Mức hỗ trợ cụ thể một (01) dự án, kế hoạch liên kết, mức hỗ trợ dự án phát triển sản xuất cộng đồng, nội dung hỗ trợ chi phí lựa chọn dự án, mô hình phát triển sản xuất, nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục lựa chọn dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng.

Như vậy, Hội đồng nhân dân tỉnh cần phải quy định định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án/kế hoạch liên kết, phương án phát triển sản xuất cộng đồng; quy định nội dung hỗ trợ chi phí lựa chọn dự án, mô hình phát triển sản xuất; quy định tiêu chí lựa chọn dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

## **2. Cơ sở thực tiễn**

### **2.1. Đối với dự án đầu tư, hỗ trợ vùng trồng dược liệu quý**

Tại Nghị quyết số 13/2022/NQ-NĐND của HĐND tỉnh được ban hành, quy định chung nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh trong đó Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là một trong ba chương trình MTQG đang triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, việc áp dụng các trình tự, mẫu biểu để thực hiện Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý có sự khác biệt so với các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, cụ thể như sau:

- Về trình tự lựa chọn: Các dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia được lựa chọn theo trình tự quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND, theo đó

căn cứ vào danh mục định hướng trung hạn được UBND tỉnh phê duyệt các chủ trì liên kết phối hợp với UBND cấp huyện khảo sát, xây dựng dự án và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện. Đồng thời, có thể có nhiều chủ trì liên kết thực hiện các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị cùng một thời điểm.

Đối với Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý, thực hiện thông báo đến các tổ chức, cá nhân đề xuất dự án và tham gia làm chủ trì liên kết; trên cơ sở đề xuất, Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu cho UBND tỉnh thẩm định, lựa chọn 01 dự án đạt yêu cầu để triển khai thực hiện. Theo đó, chỉ có 01 chủ thể tham gia thực hiện dự án.

- Về mẫu hồ sơ đề xuất dự án:

+ Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý theo hướng dẫn của Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ Y tế thành phần hồ sơ đề xuất dự án gồm 07 mẫu, theo đó mẫu đề xuất dự án thực hiện theo mẫu B1.2 gồm 7 chương, các nội dung đề xuất thực hiện bao gồm kinh phí sự nghiệp và nguồn đầu tư công để thực hiện xây dựng hạ tầng phục vụ cho cả dự án.

+ Đối với các dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia tại Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 yêu cầu thực hiện theo 08 mẫu, theo đó mẫu đề xuất dự án gồm 3 phần, các nội dung đề xuất thực hiện sử dụng toàn bộ kinh phí nguồn sự nghiệp để thực hiện.

Do đó, việc sử dụng mẫu đã ban hành tại Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND để áp dụng đối với Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý là không phù hợp.

- Về nội dung hỗ trợ:

+ Đối với các dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị thuộc chương trình MTQG phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nội dung hỗ trợ được quy định tại khoản 1, Điều 3 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND chỉ bao gồm các nội dung: Đào tạo tập huấn, chuyển giao, ứng dụng khoa học, vật tư, quảng bá xúc tiến thương mại, tư vấn xây dựng dự án, chi phí đăng ký nhãn hiệu,...(*sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp, không có tính chất đầu tư để thực hiện*).

+ Đối với Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý các nội dung hỗ trợ để thực hiện dự án được quy định tại khoản 3, Điều 12 Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ Y tế, trong đó các hạng mục hạ tầng, máy móc thiết bị, hỗ trợ các khu ứng dụng công nghệ cao sử dụng nguồn vốn đầu tư để thực hiện, các hạng mục hỗ trợ giống, vật tư,... sử dụng nguồn vốn sự nghiệp. Theo đó, tại Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 02/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn giao dự toán vốn đầu tư phát triển năm 2022 thực hiện Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý giai đoạn 2021-2025 là 42.465,0 triệu đồng (*Nguồn vốn đầu tư phát triển: 30.170 triệu đồng, năm 2022 đã cấp 6.490 triệu đồng, năm 2023 đã cấp 8.733 triệu đồng; nguồn sự nghiệp kinh tế năm 2022 đã cấp 3.385 triệu đồng, năm 2023 cấp 8.673 triệu đồng*).

Căn cứ vào các nội dung trên, việc bổ sung quy định về nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ và trình tự thủ tục lựa chọn Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn là cần thiết. Do đó, việc ban hành Nghị quyết bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của HĐND tỉnh là cần thiết và phù hợp với quy định hiện hành.

## 2.2. Đối với các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất

- Thực hiện Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, tỉnh Bắc Kạn đã cụ thể hóa bằng Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa; hỗ trợ nâng cao năng lực cho khu vực kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Tính đến hết 31/12/2022, trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn tổ chức triển khai thực hiện 32 dự án liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, trong đó gồm 04 dự án cấp tỉnh và 28 dự án cấp huyện. Số dự án liên kết được nghiệm thu hỗ trợ là 31 dự án. Tổng kinh phí đã phân bổ để tổ chức thực hiện các dự án liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp là 31.500 triệu đồng. Trung bình một (01) dự án được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là 1.015 triệu đồng cho cả giai đoạn 3 năm.

Với chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, trong những năm qua lĩnh vực nông nghiệp đã có sự phát triển khá nhanh, hình thành được các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung theo hướng hàng hóa; doanh nghiệp, HTX trên địa bàn tỉnh đã bước đầu xây dựng được thương hiệu và nâng cao giá trị sản phẩm. Tuy nhiên, các liên kết sản xuất còn ở quy mô nhỏ, chưa tương xứng với tiềm năng thế mạnh của tỉnh. Nguyên nhân, do các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh năng lực còn hạn chế, mặt khác mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước quy định tại Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND tỉnh (*được thay thế bằng Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022*) còn thấp, chưa tạo động lực để cho các hợp tác xã phát triển sản xuất.

- Năm 2022-2023, trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn tổ chức triển khai thực hiện 409 danh mục các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia: Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị là 110 dự án; dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng là 299 dự án. Kinh phí đã phân bổ để thực hiện các dự án là 134.131,0 triệu đồng. Các dự án đã thẩm định và phê duyệt là 118 dự án, các dự án đã thẩm định chưa phê duyệt là 82 dự án, các dự án đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ thuyết minh là 209 dự án; đối với các dự án liên kết theo chuỗi giá trị mức đề nghị hỗ trợ dưới 2 tỷ đồng là 65 dự án, mức đề nghị hỗ trợ từ 2 - 5 tỷ đồng là 25 dự án, mức đề nghị hỗ trợ trên 5 tỷ đồng là 7 dự án.

Để đảm bảo tính công khai, minh bạch trong việc triển khai thực hiện nội dung hỗ trợ phát triển thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh

Bắc Kạn giai đoạn 2021- 2025 việc bổ sung nội dung hỗ trợ, tiêu chí lựa chọn dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, quy định về mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án trên địa bàn tỉnh là cần thiết.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích**

- Xây dựng Nghị quyết bổ sung một số nội dung tại Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-NĐND ngày 18/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh phù hợp với cơ sở pháp lý tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Quy định cụ thể mức hỗ trợ một (01) dự án, kế hoạch liên kết; mức hỗ trợ dự án phát triển sản xuất cộng đồng; nội dung hỗ trợ chi phí lựa chọn dự án, mô hình phát triển sản xuất; nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục lựa chọn dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý; tiêu chí lựa chọn dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng.

### **2. Quan điểm**

- Nghị quyết bổ sung một số điều của Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh được xây dựng bảo đảm tuân thủ theo quy định của Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành, đảm bảo đúng thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Đảm bảo tính công bằng, công khai, minh bạch trong việc triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Theo quy định, trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, UBND tỉnh đã chỉ đạo, tổ chức thực hiện các bước như sau:

- Căn cứ ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Thông báo số 13/TB-HĐND ngày 15/5/2023 kết luận phiên họp thường trực HĐND tỉnh tháng 5 (mở rộng); Thông báo số 15/TB-HĐND ngày 17/5/2023 dự kiến thời gian, nội dung kỳ họp thứ 14 (kỳ họp thường lệ giữa năm) Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021-2025 về việc chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung một số nội dung tại Điều 3, Điều 4 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-NĐND ngày 18/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Văn bản số 3009/UBND-TH ngày 18/5/2023 về việc rút kinh nghiệm và chuẩn bị nội dung cho các kỳ họp, trong đó giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, soạn thảo hồ sơ sự thảo Nghị quyết bổ sung

một số nội dung tại Điều 3, Điều 4 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-NĐND ngày 18/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Thực hiện nhiệm vụ được giao, Sở Nông nghiệp và PTNT đã chủ trì soạn thảo hồ sơ dự thảo nghị quyết và xin ý kiến các Sở, ngành, địa phương; lấy ý kiến góp ý của các đối tượng chịu tác động; đăng tải hồ sơ dự thảo nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Kạn; gửi Sở Tư pháp thẩm định theo quy định.

- Trên cơ sở nội dung góp ý, báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo và trình UBND tỉnh đề trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua tại kỳ họp thường lệ giữa năm tại Tờ trình số 123/TTr-SNN ngày 26/6/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT.

Tuy nhiên, ngày 24/6/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 38/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Trong đó, bao gồm một số nội dung sửa đổi như sau:

- Tại khoản 11, Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP sửa đổi Điều 20 có quy định: Chi phí lựa chọn dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất (bao gồm chi phí khảo sát, đánh giá; thành lập hội đồng lựa chọn dự án, mô hình; lựa chọn đơn vị đặt hàng, giao nhiệm vụ; tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ; thẩm định giá trong phương án mua sắm vật tư, hàng hóa, dịch vụ) được tính trong kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất hoặc kinh phí thường xuyên của cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất; không vượt quá 5% tổng kinh phí được giao để thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển xuất.

- Tại khoản 12, khoản 13, Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP sửa đổi Điều 21, Điều 22 có quy định mức hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước đối với dự án, kế hoạch của địa phương, cụ thể: *Cơ quan phê duyệt dự án quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.*

- Tại khoản 22, Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP quy định tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

Vì vậy, để đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ, Sở Nông nghiệp và PTNT đã đề nghị UBND tỉnh xin ý kiến Thường trực HĐND tỉnh cho chủ trương trình bổ sung nội dung tại Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh (*Văn bản số 1555/SNN-KHTC ngày 04/7/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT*).

- Ngày 06/7/2023, UBND tỉnh ban hành Văn bản số 4267/UBND-NNTNMT về việc đề nghị cho chủ trương trình bổ sung một số nội dung tại Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của HĐND tỉnh.

- Ngày 07/7/2023, Thường trực HĐND tỉnh đồng ý cho chủ trương trình bổ sung nội dung tại Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh (*tại Văn bản số 128/HĐND-VP*).

- Trên cơ sở ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã soạn thảo hồ sơ dự thảo nghị quyết và ban hành văn bản xin ý kiến góp ý của các sở, ngành, địa phương; xin ý kiến thẩm định Sở Tư pháp theo quy định.

- Trên cơ sở nội dung góp ý của các sở, ngành, địa phương, báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo và trình UBND tỉnh đề trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.

#### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

##### **1. Bố cục của dự thảo nghị quyết**

Dự thảo Nghị quyết gồm 3 Điều.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp.

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

##### **2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết**

2.1. Sửa đổi Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.”.

2.2. Bổ sung điểm g khoản 1 vào Điều 3 như sau:

“g) Dự án vùng trồng dược liệu quý thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế Hướng dẫn triển khai nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 và điểm a khoản 5 Điều 1 Thông tư số 12/2023/TT-BYT ngày 06/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế Hướng dẫn triển khai một số nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025”.

2.3. Bổ sung điểm h khoản 1, điểm g khoản 2, điểm h khoản 3 vào Điều 3 như sau:

“Chi phí lựa chọn dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất (bao gồm chi phí

khảo sát, đánh giá; thành lập hội đồng lựa chọn dự án, mô hình; lựa chọn đơn vị đặt hàng, giao nhiệm vụ; tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ; thẩm định giá trong phương án mua sắm vật tư, hàng hóa, dịch vụ) được tính trong kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất.”.

2.4. Bổ sung Điều 3a vào sau Điều 3 như sau:

“Điều 3a. Mức hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

Hỗ trợ tối đa không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 70% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khó khăn; không quá 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khác nhưng tối đa không quá 5.000 triệu đồng/dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia.”.

2.5. Sửa đổi khoản 2, Điều 4 như sau:

“2. Lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết ...”.

2.6. Bổ sung khoản 3, khoản 4 vào Điều 4 như sau:

“3. Mẫu hồ sơ đề xuất thực hiện dự án Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi...”.

4. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý...”.

2.7. Bổ sung nội dung chi tại điểm a khoản 1, bổ sung điểm h khoản 2 vào Điều 5 như sau:

“Chi phí lựa chọn dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất (bao gồm chi phí khảo sát, đánh giá; thành lập hội đồng lựa chọn dự án, mô hình; lựa chọn đơn vị đặt hàng, giao nhiệm vụ; tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ; thẩm định giá trong phương án mua sắm vật tư, hàng hóa, dịch vụ) được tính trong kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất.”.

2.8. Bổ sung Điều 5a vào sau Điều 5 như sau:

“Điều 5a. Mức hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

Hỗ trợ tối đa không quá 95% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên các địa bàn khác nhưng tối đa không quá 1.500 triệu đồng/dự án, phương án sản xuất thuộc phạm vi đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia.”.

2.9. Bổ sung Điều 5b vào sau Điều 5 như sau:

“Điều 5b. Tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng...”.

2.10. Sửa đổi khoản 2 Điều 6 như sau:

“2. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, phương án sản xuất của cộng đồng...”.



## V. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua: Tại kỳ họp thứ 14 (kỳ họp thường lệ tháng 7/2023) HĐND tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026.

## VI. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh đã xin ý kiến góp ý của các Sở, ngành, địa phương, xin ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bắc Kạn và đăng tải trên cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Kạn đảm bảo theo quy định.

### *\* Gửi kèm Hồ sơ dự thảo Nghị quyết:*

- (1) Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.
- (2) Báo cáo thuyết minh xây dựng Nghị quyết.
- (3) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp;
- (4) Báo cáo tiếp thu, giải trình Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp;
- (5) Văn bản tiếp thu, giải trình ý kiến của các Sở, ngành, địa phương;
- (6) Văn bản tiếp thu, giải trình ý kiến của các thành viên UBND tỉnh.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết bổ sung một số điều của Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

### **Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- TT Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND;
- Các Sở: NN&PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- CVP, các PCVP;
- Phòng NNTNMT;
- Lưu: VT, Mai Anh, Cúc.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đăng Bình**